

Bản án số: 103/2024/HS-ST

Ngày 27-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Đức Thọ.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Hồng Hạnh.

2. Bà Lê Thị Kiểm.

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Văn Hải - Thư ký Toà án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: Bà Dương Thị Sen - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 100/2024/TLST-HS ngày 12 tháng 9 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2024/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 9 năm 2024 đối với bị cáo:

Phạm Ngọc H, sinh năm 1981 tại thành phố Hà Nội; nơi đăng ký thường trú: Thôn T, xã K, huyện H, thành phố Hà Nội; chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Đ và bà Phạm Thị M; có vợ là Phạm Thị V và có 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 27/6/2024 đến ngày 05/7/2024 được cho tại ngoại; có mặt tại phiên toà.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Vũ Tuấn A, sinh năm 1995; nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường D, thị xã T, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

2. Anh Vũ Quang Th, sinh năm 1998; nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường D, thị xã T, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

3. Chị Cao Thị B, sinh năm 1998; nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường D, thị xã T, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do thấy một số người dân có nhu cầu vay tiền dùng vào mục đích cá nhân, thủ tục đơn giản mà không muốn làm thủ tục vay ngân hàng hay các tổ chức tín dụng. Phạm Ngọc H làm nghề lao động tự do, không có giấy phép kinh doanh dịch vụ cấp, cho vay tín dụng hoặc hỗ trợ tài chính nhưng vì mục đích tư lợi nên H nảy sinh ý định cho những người này vay tiền với lãi suất cao từ 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày đến 4.500 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương đương với lãi suất cho vay từ 109,5%/năm đến 164,2%/năm (cao gấp từ 5,4 lần đến 8,2 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự) nhằm thu lợi bất chính. Khi người vay có nhu cầu vay tiền, H và người vay thỏa thuận tiền lãi 01 tháng tính tròn 30 ngày, không tính tháng đủ hay thiếu, khi đến hạn đóng lãi thì người vay đóng lãi cho H, có thể đóng trước hoặc đóng sau ngày đến hạn, người vay sẽ đóng lãi đến khi trả được số tiền gốc. Trong trường hợp người vay trả tiền gốc trước hạn vẫn phải chịu lãi suất đủ một tháng nếu tính theo tháng. Có trường hợp thỏa thuận theo từng lần vay (vay theo ngày). H cho anh Vũ Tuấn A vay tiền, lãi tính theo ngày; cho anh Vũ Quang Th vay tiền, lãi tính theo ngày, tháng. Việc giao dịch cho vay lãi nặng của Phạm Ngọc H, cụ thể như sau:

1. Giao dịch giữa Phạm Ngọc H và anh Vũ Tuấn A: Từ ngày 21/7/2023 đến ngày 14/8/2023 H cho anh Tuấn A vay 02 lần, tổng số tiền 55.000.000 đồng (anh Vũ Quang Th là em trai của anh Tuấn A đã trả tiền gốc và lãi cho anh Tuấn A vào ngày 15/8/2024), với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương đương với lãi suất cho vay 109,5%/năm cao gấp 5,4 lần, lãi tính theo ngày, không cầm cố tài sản, bằng hình thức chuyển khoản, gồm:

Lần 1: Ngày 21/7/2023 anh Tuấn A vay H số tiền 40.000.000 đồng, trong thời hạn 25 ngày, đã thu lãi số tiền 3.000.000 đồng.

Như vậy, số tiền lãi H được phép hưởng theo quy định là: 40.000.000 đồng x 25 ngày x 20%/năm): 365 ngày x 100% = 547.945 đồng.

Số tiền H thu lợi bất chính là: 3.000.000 đồng - 547.945 đồng = 2.452.055 đồng.

Tính %, gấp số lần là (3.000 đồng x 365 ngày) : 1.000.000 đồng x 100% = 109,5%/năm : 20%/ năm = 5,475 lần.

Lần 2: Ngày 14/8/2023 anh Tuấn A vay H số tiền 15.000.000 đồng, trong thời hạn 10 ngày, đã thu lãi số tiền 500.000 đồng (*trong đó thu lợi bất chính số tiền: 417.809 đồng, thu theo quy định là 82.191 đồng*).

Như vậy, H đã thu lãi của anh Tuấn A tổng số tiền 3.500.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính số tiền: 2.869.864 đồng, thu theo quy định là 630.136 đồng.

2. *Giao dịch giữa Phạm Ngọc H với anh Vũ Quang Th:* Từ ngày 15/8/2023 đến ngày 18/11/2023, H cho anh Th vay 04 lần, với lãi suất từ 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày đến 4.500 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương đương với lãi suất cho vay từ 109,5%/năm đến 164,2 (cao gấp từ 5,4 lần đến 8,2 lần), lãi tính theo ngày, tháng, gồm:

Lần 1: Ngày 15/8/2023 anh Th vay H số tiền 150.000.000 đồng, với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, cầm cố chiếc xe ô tô BKS: 90A-182xx, bằng hình thức chuyển khoản. Đến ngày 09/9/2023, anh Th chuyển khoản trả cho H số tiền 113.750.000 đồng, gồm: Trả tiền gốc 100.000.000 đồng, lãi tháng 08 số tiền 13.500.000 đồng (trong đó thu lợi bất chính số tiền 11.034.247 đồng, thu theo quy định là 2.465.753 đồng), trả tiền rửa xe 250.000 đồng và lấy xe ô tô ra. Anh Th còn nợ lại số tiền 50.000.000 đồng.

H yêu cầu anh Th viết Biên bản thỏa thuận vay tiền mặt của anh Kiều Tiến M sinh năm 1983 trú tại thôn V, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam (là bạn của H) số tiền 50.000.000 đồng. Các ngày 09/10/2023, 18/11/2023, tháng 12/2023, anh Th trả lãi các tháng 9, 10, 11 (03 tháng). Tổng số tiền lãi H đã thu lãi khoản vay đứng tên M của anh Th số tiền 13.500.000 đồng (trong đó thu lợi bất chính số tiền 11.034.247 đồng, thu theo quy định là 2.465.753 đồng).

Lần 2: Ngày 09/10/2023 anh Th vay H thêm số tiền 7.000.000 đồng, với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Đến ngày 15/11/2023, anh Th đã trả đủ tiền gốc, H thu lãi số tiền 1.000.000 đồng (trong đó thu lợi bất chính số tiền 884.932 đồng, thu theo quy định là 115.068 đồng).

Lần 3: Ngày 15/11/2023 anh Th vay H số tiền 50.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, cầm cố chiếc xe ô tô BKS: 90A-182xx. H yêu cầu anh Th viết giấy mượn tiền. H cắt lãi trước 01 tháng số tiền 4.500.000 đồng (trong đó thu lợi bất chính số tiền 3.678.083 đồng, thu theo quy định là 821.917 đồng).

Lần 4: Ngày 18/11/2023 anh Th vay H số tiền 20.000.000 đồng, với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, H cắt lãi trước 15 ngày số tiền 900.000 đồng (trong đó thu lợi bất chính số tiền 735.617 đồng, thu theo quy định là 164.383 đồng).

Tính đến ngày 30/11/2023, anh Th nợ H tiền gốc tổng 120.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất 1.500đồng/1 triệu đồng/01 ngày (một tháng là 5.400.000đồng, chị Cao Thị B (vợ của anh Th) nhận nộp tiền lãi thay cho anh Th bắt đầu từ ngày 30/11/2023), H yêu cầu chị B viết giấy nhận nợ số tiền trên, đồng thời viết giấy bán xe cho H và viết giấy thuê chiếc xe ô tô BKS: 90A-182xx của H rồi H giao xe cho vợ chồng anh Th. Chị B đã trả lãi 03 tháng (các tháng 12/2023; 01, 02/2024) tổng lãi là 16.200.000đồng.

Riêng tháng 12/2023 H vẫn thu lãi của anh Th đối với khoản vay đứng tên Kiều

Tiền M (50.000.000 đồng) là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, số tiền lãi đã thu là 4.500.000 đồng, đồng thời ngày 12/12/2023 H thu tiền lãi tháng 12 của chị Cao Thị B là 1.500 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, số tiền lãi đã thu là 2.250.000 đồng. Như vậy, đối với khoản vay đứng tên M tháng 12/2023 H đã lấy lãi suất của anh Th là 4.500 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày tương đương với lãi suất cho vay là 164,2% (cao gấp 8,2 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự), đã thu tổng lãi số tiền 6.750.000 đồng (trong đó thu lợi bất chính số tiền 5.928.083 đồng, thu lãi theo quy định là 821.917 đồng).

Như vậy, tổng số tiền H cho anh Tuấn A vay là 55.000.000 đồng (đã trả đủ), thu lãi số tiền 3.500.000 đồng (trong đó thu lợi bất chính số tiền 2.869.864 đồng), cho anh Th vay là 227.000.000 đồng (đã trả tiền gốc 107.000.000 đồng, còn 120.000.000 đồng), thu lãi số tiền 54.100.000 đồng (trong đó thu lợi bất chính số tiền 33.295.211 đồng). Tổng H đã thu lãi số tiền 57.600.000 đồng, gồm: 13.950.000 đồng tiền lãi H thu thấp hơn 5 lần theo quy định tại Điều 201 Bộ luật Hình sự; số tiền lãi có thu lợi bất chính 43.650.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính số tiền 36.165.075 đồng.

Về vật chứng, đồ vật, tài liệu tạm giữ của Phạm Ngọc H: 01 Giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô con BKS: 90A-182xx số sê-ri DA-1585701 (bản gốc); Biên bản thỏa thuận vay tiền mặt số tiền 50.000.000 đồng của anh Kiều Tiền M do anh Vũ Quang Th viết ngày 09/10/2023; Giấy mượn số tiền 50.000.000 đồng của anh Vũ Quang Th viết ngày 15/11/2023; Giấy vay nợ số tiền 20.000.000 đồng của anh Vũ Quang Th viết ngày 18/11/2023; 01 Giấy nhận trả nợ số tiền 120.000.000 đồng của chị Cao Thị B viết ngày 30/11/2023; 01 Giấy biên nhận bán chiếc xe ô tô con nhãn hiệu Kia Seltos BKS: 90A-182xx giữa người bán chị Cao Thị B với người mua Phạm Ngọc H, người làm chứng anh Vũ Quang Th do chị B viết ngày 30/11/2023; 01 Giấy thuê chiếc xe ô tô BKS: 90A-182xx của Phạm Ngọc H do chị Cao Thị B viết ngày 30/11/2023. Thu giữ của H 01 chiếc điện thoại di động Iphone XS, bên trong lắp 01 thẻ sim Viettel.

Tại bản Cáo trạng số 102/CT-VKS ngày 11/9/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam đã truy tố bị cáo Phạm Ngọc H về tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*" theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự. Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 201; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo H từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 08 ngày đã bị tạm giữ; phạt bổ sung bị cáo 5.000.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước; miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo. Về vật chứng và biện pháp tư pháp: Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại Iphone XS; buộc bị cáo H phải nộp ngân sách Nhà nước số tiền 169.484.927 đồng; buộc anh Vũ Quang Th phải nộp

ngân sách Nhà nước số tiền 120.000.000 đồng; tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án 01 bản gốc Giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô con BKS: 90A-182xx số sê-ri DA-1585701. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Ngọc H khai nhận toàn bộ hành vi đã thực hiện của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam đã truy tố và nhất trí với lời luận tội của Kiểm sát viên, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định đó. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời nhận tội của bị cáo Phạm Ngọc H tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, biên bản thu giữ vật chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án mà cơ quan điều tra đã thu thập.

Hội đồng xét xử thấy đã có đủ căn cứ để xác định: Trong khoảng thời gian từ ngày 21/7/2023 đến ngày 18/11/2023, tại thôn N, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam, bị cáo Phạm Ngọc H cho các anh Vũ Tuấn A, Vũ Quang Th vay tổng số tiền là 282.000.000 đồng, với mức lãi suất cao từ 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày đến 4.500 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương đương với lãi suất cho vay từ 109,5%/năm đến 164,2%/năm (cao gấp từ 5,4 lần đến 8,2 lần) mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự để thu lợi bất chính số tiền 36.165.075 đồng.

Tính chất, mức độ tội phạm bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, xâm phạm đến lợi ích của công dân, làm mất trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Do vậy, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*" được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1] Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội.

[3.2] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết nào.

[3.3] Về tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho anh Vũ Quang Th và chị Cao Thị B; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên toà đều khai báo thành khẩn nên được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bố đẻ bị cáo được tặng thưởng Huân chương Chiến sĩ giải phóng nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt:

[4.1] Hình phạt chính: Từ những phân tích nêu trên, xét thấy cần xử phạt nghiêm minh bị cáo bằng hình phạt cải tạo không giam giữ, tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm bị cáo đã thực hiện mới có tác dụng răn đe, cải tạo, giáo dục và nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh, phòng ngừa tội phạm. Bên cạnh đó cũng cần đối trừ với 08 ngày bị cáo đã bị tạm giữ, cứ 01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ.

[4.2] Về khấu trừ thu nhập: Xét thấy bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có nghề nghiệp, thu nhập không ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

[4.3] Hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có tài sản riêng, do đó chỉ cần phạt bổ sung bị cáo một khoản tiền ở mức phù hợp để nộp vào ngân sách Nhà nước.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Giai đoạn điều tra bị cáo Phạm Ngọc H đã bồi thường cho anh Vũ Quang Th số tiền 33.915.075 đồng và bồi thường cho chị Cao Thị B số tiền 10.282.194 đồng. Đến nay anh Th và chị B không có yêu cầu gì khác nên không đặt ra xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

[6.1] Đối với 01 chiếc điện thoại di động Iphone XS là phương tiện bị cáo sử dụng vào mục đích phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[6.2] Đối với số tiền gốc H đã thu từ anh Vũ Tuấn A là 55.000.000 đồng và số tiền gốc Hải đã thu từ anh Vũ Quang Th là 107.000.000 đồng cùng với số tiền lãi suất cao nhất theo quy định H đã thu của anh Tuấn A là 630.136 đồng, số tiền lãi suất cao nhất theo quy định H đã thu của anh Th là 6.854.791 đồng, tổng cộng là 169.484.927 đồng là tiền sử dụng vào mục đích phạm tội và tiền thu từ việc phạm tội nên cần buộc bị cáo phải nộp để sung vào ngân sách Nhà nước.

[6.3] Đối với số tiền 120.000.000 đồng là số tiền gốc bị cáo H chưa thu được của anh Vũ Quang Th nhưng đến nay anh Th chưa giao nộp là tiền sử dụng vào mục đích phạm tội nên cần buộc anh Th phải nộp để sung vào ngân sách Nhà nước.

[6.4] Đối với 01 giấy biên nhận bán xe ô tô, 01 giấy nhận trả nợ, 01 giấy thuê xe ô tô, 01 biên bản thỏa thuận vay tiền mặt, 01 giấy vay nợ, 01 giấy mượn tiền, 01 giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô chị B và anh Th không có nhu cầu lấy lại đều là tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo đã được đánh số bút lục đưa vào hồ sơ vụ án nên cần tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

[6.5] Đối với chiếc xe ô tô BKS: 90A-182xx, anh Vũ Quang Thh mang đến cầm cố cho Phạm Ngọc H, H đã trả lại chị Cao Thị B là tài sản hợp pháp của chị B nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam không thu giữ chiếc xe này là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[7] Về các vấn đề khác: Đối với anh Kiều Tiên M được Phạm Ngọc H nhờ đứng tên khoản vay 50.000.000 đồng của Th, M chỉ đứng tên không thu tiền gốc, tiền lãi; ông Vũ Hồng C, chị Cao Thị B, anh Lại Văn Đ là những người được anh Vũ Quang Th nhờ chuyển tiền vào tài khoản và chuyển khoản hộ anh Th, những người này không biết H cho vay lãi nặng, đều không được hưởng lợi gì từ việc này nên không có cơ sở để xem xét, xử lý.

[8] Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 201; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 36; Điều 47 Bộ luật Hình sự; các điểm a, b khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về hình sự: Tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc H phạm tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*". Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ về tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*", được trừ 08 (tám) ngày đã bị tạm giữ; thời gian cải tạo không giam giữ còn lại bị cáo phải chấp hành là 01 (một) năm 05 (năm) tháng 06 (sáu) ngày, tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam nhận được quyết định thi hành án. Miễn khấu trừ thu nhập để nộp ngân sách Nhà nước đối với bị cáo.

Giao bị cáo Phạm Ngọc H cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam giám sát, giáo dục.

Phạt bổ sung bị cáo Phạm Ngọc H số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) để nộp vào ngân sách Nhà nước.

2. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone Xs, màu đen, cũ đã qua sử dụng. (Theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 11/9/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam).

- Buộc bị cáo Phạm Ngọc H phải nộp số tiền 169.484.927đ (một trăm sáu mươi chín triệu bốn trăm tám mươi bốn nghìn chín trăm hai bảy đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc anh Vũ Quang Th phải nộp số tiền 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Phạm Ngọc H phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Đối với trường hợp khoản tiền phải thu nộp vào ngân sách Nhà nước mà pháp luật có quy định nghĩa vụ trả lãi; hoặc trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ về tài sản trong hoặc ngoài hợp đồng khác mà các bên không thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Công an huyện Kim Bảng;
- Chi cục THADS huyện Kim Bảng;
- UBND xã T;
- Bị cáo;
- Người có QL,NVLQ;
- Lưu HS, VP.

Nguyễn Đức Thọ

[6.1] Quá trình điều tra, Nguyễn Huy Hùng đã tự nguyện giao nộp số tiền 182.900.000 đồng là số tiền lãi Hùng đã thu của chị Hạnh, anh Mạnh, chị Hoa, chị Khanh, chị Nga, chị Dung, anh Hào. Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Nguyễn Thị Nga số tiền 36.246.577 đồng, trả cho chị Lê Thị Hồng Hoa số tiền 735.616 đồng là tiền Hùng đã thu lời bất chính của chị Nga và chị Hoa, sau khi nhận lại tiền chị Nga không có yêu cầu đề nghị gì thêm; riêng chị Hoa đề nghị trả lại số tiền 5.000.000 đồng cơ quan điều tra đã thu giữ, đối với số tiền Hùng thu lời bất chính còn lại của chị thì chị không có yêu cầu nhận lại, chị tự nguyện nộp số tiền đó vào ngân sách Nhà nước. Đối với chị Hạnh, anh Mạnh, chị Khanh, chị Dung, anh Hào đều yêu cầu Hùng trả lại số tiền Hùng đã thu lời bất chính, cụ thể: Chị Đỗ Thị Hạnh yêu cầu số tiền 20.712.329 đồng, anh Trần Hùng Mạnh yêu cầu 10.356.166 đồng, chị Trương Thị Khanh yêu cầu 27.959.687 đồng, chị Đặng Thị Kim Dung yêu cầu 17.260.276 đồng, anh Bùi Văn Hào yêu cầu 22.074.887 đồng. Tại giai đoạn điều tra, bị cáo Hùng đã tự nguyện giao nộp số tiền 145.917.807 đồng là tiền thu lời bất chính để trả lại cho những người có yêu cầu nêu trên cũng như để nộp vào ngân sách Nhà nước, vì vậy cần trả lại số tiền theo yêu cầu như trên của chị Hạnh, anh Mạnh, chị Khanh, chị Dung, anh Hào nhưng sẽ giữ lại để đối trừ với số tiền gốc mà những người này phải nộp để sung vào ngân sách Nhà nước.

[6.2] Đối với số tiền 85.000.000 đồng cơ quan điều tra đã thu giữ là tiền do chị Lê Thị Hồng Hoa trả cho bị cáo Hùng 80.000.000 đồng tiền gốc và 5.000.000 đồng tiền lãi của khoản vay ngày 27/6/2022 và số tiền 182.900.000 đồng do bị cáo Hùng tự nguyện giao nộp, tổng cộng là 267.900.000 đồng, quá trình điều tra cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Nguyễn Thị Nga 36.246.577 đồng và trả lại cho chị Lê Thị Hồng Hoa 735.616 đồng là đúng quy định pháp luật; ngoài ra chị Hoa tự nguyện đề nghị nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền còn lại bị Hùng thu lời bất chính nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện này của chị Hoa. Cụ thể số tiền 230.918.000 đồng, trong đó có 80.000.000 đồng là tiền Hùng sử dụng vào mục đích phạm tội và 47.554.655 đồng là tiền Hùng thu lời bất chính và tiền chị Hoa không yêu cầu trả lại nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước; đối với số tiền 5.000.000 đồng cơ quan điều tra đã thu giữ của chị Hoa là tiền chính đáng không liên quan đến tội phạm và chị Hoa có yêu cầu trả lại nên sẽ trả lại cho chị Hoa; còn lại số tiền 98.363.345 đồng bị cáo Hùng thu lời bất chính được trả lại cho các cá nhân gồm: Chị Đỗ Thị Hạnh 20.712.329 đồng, anh Trần Hùng Mạnh 10.356.166 đồng, chị Trương Thị Khanh 27.959.687 đồng, chị Đặng Thị Kim Dung 17.260.276 đồng, anh Bùi Văn Hào 22.074.887 đồng, nhưng sẽ sung vào ngân sách Nhà nước và sẽ đối trừ vào số tiền gốc vay là tiền sử dụng vào mục đích phạm tội những người này phải nộp lại để sung vào ngân sách Nhà nước.

